TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST Ngày 21- 01-2021 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Tất Kề

Ông Đoàn Văn Thìn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Quỳnh T, sinh năm 1994

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 01/09/44 đường B 1, tổ dân phố B 1, phường Đ 2, quận H, thành phố Hải Phòng.

Nơi ở hiện nay: Số 21/38/280 đường T, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Số 01/09/44 đường B 1, tổ dân phố B 1, phường Đ 2, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 04 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vũ Quỳnh T trình bày:

Chị và anh Trần Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường N, quận L, thành phố Hải Phòng ngày 23 tháng 6 năm 2014. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại nhà riêng của vợ chồng ở số 01/09/44 đường B 1, tổ dân phố B 1, phường Đ 2, quận H,thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, do tính cách và quan điểm sống của hai bên không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Hơn nữa, anh Đ còn chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần, gia đình luôn trong tình trạng bị người khác gọi điện đe dọa. Cũng chính vì điều đó mà vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2019 đến nay và còn không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, tình cảm không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là Trần Vũ Hà A, sinh ngày 24/01/2015 hiện sống cùng với chị tại nhà bố đẻ của chị ở số 21/38/280 đường T, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng. Khi ly hôn, do cháu A còn nhỏ nên chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, gia đình chị cũng tạo điều kiện để hai mẹ con chị có nơi ăn chốn ở ổn định. Hơn nữa tính chất công việc của anh Đ là lái xe tải chở hàng thường xuyên vắng nhà nên không có nhiều thời gian để chăm sóc cho con tốt bằng chị.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các Thông báo và giấy triệu tập cho bị đơn là anh Trần Văn Đ, nhưng anh Đ không đến Tòa án và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Vũ Quỳnh T.

Theo kết quả xác minh tại tổ dân phố nơi chị Vũ Quỳnh T và anh Trần Văn Đ sinh sống cũng như ý kiến của gia đình hai bên: Quá trình chung sống tại địa phương, chị Vũ Quỳnh T và anh Trần Văn Đ có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do hai bên có sự bất đồng về quan điểm, lối sống. Chị T đã đưa con về nhà ngoại ở từ năm 2019, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

* Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn theo

quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Quỳnh Thư về những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị T được ly hôn anh Đ.

- Về nuôi dưỡng con: Giao con chung là Trần Vũ Hà A, sinh ngày 24/01/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản: Chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Trần Văn Đ, cư trú tại số nhà 01/09/44 đường B 1, tổ dân phố B 1, phường Đ 2, quận H, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh Trần Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do; chị Vũ Quỳnh T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hôn nhân: Chị Vũ Quỳnh T và anh Trần Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường N, quận L, thành phố Hải Phòng ngày 23 tháng 6 năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Qua lời trình bày của chị T và trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được cho thấy cuộc sống hôn nhân của anh chị có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và lối sống. Vì thế đã khiến cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau và hiện đã sống ly thân mỗi người một nơi. Về phía anh Đ, mặc dù biết việc chị T xin ly hôn mình tại Tòa án nhân dân quận Hải An, nhưng không có ý kiến gì và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, điều đó cho thấy anh Đ không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân của anh và chị T. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của chị T về việc ly hôn với anh Đ là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh Đ có 01 con chung là Trần Vũ Hà A, sinh ngày 24/01/2015. Hội đồng xét xử thấy cháu An còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ; thực tế cháu A đang sống cùng với chị T và được chị T chăm sóc chu đáo. Gia đình chị T cũng tạo điều kiện cho hai mẹ con về nơi ăn chốn ở. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và không làm xáo trộn việc ăn ở sinh hoạt của cháu A, cần giao cháu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị T.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Vũ Quỳnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Vũ Quỳnh T được ly hôn anh Trần Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Trần Vũ Hà A, sinh ngày 24/01/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Quỳnh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0007948 ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Niệm Nghĩa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bình